

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Hữu Thành ngày 08 tháng 01 năm 2024 và hồ sơ gửi kèm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 405/TTr-STNMT ngày 05 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hữu Thành, địa chỉ tại lô CN-03 và lô CN-04, Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa nguyên sinh tại lô CN-03 và lô CN-04, Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa nguyên sinh.

1.2. Địa điểm hoạt động: lô CN-03 và lô CN-04, Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0800363027 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 08/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06/5/2021; Quyết định chủ trương đầu tư số 1419/QĐ-UBND do Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương cấp ngày 04/6/2020.

1.4. Mã số thuế: 0800363027.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm nhựa nguyên sinh (màng nhựa, thìa nhựa, ống hút nhựa) và cho thuê văn phòng, nhà xưởng.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Diện tích đất sử dụng là 25.100 m². Trong đó diện tích thực hiện dự án là 24.530,7 m², diện tích đường quy hoạch là 569,3 m².

- Công suất:

+ Công suất thiết kế: (1) Sản xuất màng nhựa PVC, quy mô 320 tấn/năm; màng nhựa POF, quy mô 350 tấn/năm; thìa nhựa, quy mô 650 tấn/năm; ống hút nhựa, quy mô 330 tấn/năm; (2) Cho thuê văn phòng, nhà xưởng với tổng diện tích sàn cho thuê là 7.144 m²/năm.

+ Công suất theo dây chuyền máy móc đã lắp đặt; văn phòng, nhà xưởng đã xây dựng tại thời điểm đề nghị cấp giấy phép môi trường: (1) Sản xuất thìa nhựa, quy mô 650 tấn/năm; ống hút nhựa, quy mô 330 tấn/năm; (2) Cho thuê văn phòng, nhà xưởng với tổng diện tích sàn cho thuê là 7.144 m²/năm. Ngành nghề thu hút vào thuê nhà xưởng phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên (theo Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 30/03/2016 của UBND tỉnh Hải Dương về việc thành lập CCN Thạch Khôi - Gia Xuyên).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hữu Thành

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hữu Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hải Dương.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Hữu Thành;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- UBND thành phố Hải Dương;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (7b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1370/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 20 m³/ngày đêm (gồm cả nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Hữu Thành và đơn vị thứ cấp vào thuê văn phòng, nhà xưởng)

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu vệ sinh nhà văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà vệ sinh chung.
- Nguồn số 03: Nước thải từ khu vệ sinh nhà bảo vệ.

1.2. Nguồn phát sinh nước thải được tuần hoàn tái sử dụng và không thải ra ngoài môi trường

- Nguồn số 04: Nước thải làm mát từ quá trình đúc nhựa được tuần hoàn tái sử dụng và định kỳ bổ sung trong máy, không thải ra ngoài môi trường.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Tọa độ xả thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiếu 3⁰): X(m) = 2311373; Y(m) = 583896.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 20 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

- Nước thải sau khi xử lý được xả theo phương thức tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt. Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển cảnh báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (mức A, giá trị C_{max} với hệ số K

= 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6,0		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	36		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6,0		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	7,2		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

1.1.1. Thu gom nước thải sinh hoạt

- Nước thải từ khu vệ sinh nhà văn phòng, nhà vệ sinh chung, nhà vệ sinh khu bảo vệ (nguồn số 01, số 02 và số 03) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường ống PVC D110, độ dốc 0,2%, dài 300 m tự chảy về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm để xử lý.

- Nước thải sau xử lý theo đường ống PVC D110, độ dốc 0,2% dài 3 m tự chảy vào mương thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm xả.

1.1.2. Thu gom nước thải sản xuất

- Nước thải làm mát từ quá trình đúc nhựa được tuần hoàn tái sử dụng và định kỳ bổ sung trong máy, không thải ra ngoài môi trường.

- Nước thải sản xuất phát sinh từ các đơn vị thuê xưởng: Các đơn vị thuê xưởng tự chịu trách nhiệm thu gom, xử lý theo đúng quy định.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ

- Bể tự hoại:

+ 01 bể tự hoại dung tích 30 m³ tại nhà vệ sinh chung.

+ 01 bể tự hoại dung tích 7,5 m³ tại nhà văn phòng.

+ 01 bể tự hoại dung tích 5 m³ tại nhà bảo vệ.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không có.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Mương thoát nước chung của khu vực.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 20 m³/ngày đêm.

- Thông số kỹ thuật của hệ thống: Bể điều hòa 7,254 m³ (1,8m × 1,3m × 3,1m); bể thiếu khí 1: 6,138 m³ (1,8mx1,1mx3,1m); bể thiếu khí 2: 6,138 m³ (1,8mx1,1mx3,1m); bể hiếu khí 27,404 m³ (3,4mx2,6mx3,1m); bể lắng 12,834 m³ (2,3mx1,8mx3,1m); bể chứa nước trung gian 2,139 m³ (1,15mx0,6mx3,1m); Bể khử trùng 1,767 m³ (0,95mx0,6mx3,1m); bể chứa bùn 5,115 m³ (1,5mx1,1mx3,1m); bồn lọc áp lực: D400mmxH1.625mm.

- Hóa chất sử dụng: Javel 0,1 lít/m³ nước thải (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải.

- Xây dựng các kịch bản ứng phó sự cố trong các trường hợp sự cố vỡ, rò rỉ đường ống thu gom, rò rỉ các bể xử lý, hỏng hóc máy móc, thiết bị.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại các bể của hệ thống để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý. Sau khi khắc phục sự cố nước thải được bơm lại bể gom để tiếp tục quy trình xử lý; trường hợp không thể khắc phục và không còn khả năng lưu chứa tại các bể trong hệ thống thì Công ty thuê đơn vị có chức năng hút nước thải mang đi xử lý trong thời gian khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 20 m³/ngày đêm.

2.2.1. *Vị trí lấy mẫu:* 02 điểm (01 điểm tại bể điều hòa nước thải và 01 điểm tại vị trí xả nước thải sau xử lý ra mương thoát nước chung của khu vực thuộc xã Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương).

2.2.2. *Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* Theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Mẫu nước thải trước xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy một lần, mẫu đơn).

- Mẫu nước thải sau xử lý trong giai đoạn vận hành ổn định: 01 lần/ngày (lấy 3 ngày liên tiếp, mẫu đơn).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để theo dõi, giám sát. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Hữu Thành có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải về Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của dự án.

3.5. Trong quá trình xả thải vào mương thoát nước chung của khu vực nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước mương, Công ty phải báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.6. Công ty TNHH Hữu Thành chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục II

ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1370/GPMT-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: Khu vực trạm xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tọa độ vị trí phát sinh tiếng ồn: X(m) = 2311378; Y(m) = 583896.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng khép kín, đặt ngầm, tách biệt với các khu văn phòng, nhà xưởng, phía cuối khu đất của dự án nhằm giảm thiểu tối đa tác động của tiếng ồn, độ rung.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng với tần suất 06 tháng/lần.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục III
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1370/GPMT-UBND
ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5	16 01 06	NH
2	Bao bì mềm thải dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	5	18 01 01	KS
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là chất thải nguy hại) thải	Rắn	15	18 01 03	KS
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau dính dầu thải	Rắn	30	18 02 01	KS
5	Pin, ắc quy thải	Rắn	10	16 01 12 19 06 05	NH
6	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	80	17 02 03	NH
Tổng			145		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt bể phốt, hệ thống hồ ga nước mặt, nước thải	Bùn	1.760	12 06 13
2	Bao bì nhựa rách hỏng, sản phẩm lỗi hỏng, bavia nhựa	Rắn	51.000	18 01 06
3	Bao bì carton, giấy thừa hỏng	Rắn	300	18 01 05
4	Giẻ lau không dính thành phần nguy	Rắn	100	18 02 02

	hại			
5	Mực in, hộp chứa mực in văn phòng thải	Rắn/bùn	20	08 02 06 08 02 08
Tổng khối lượng			53.180	

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 5,68 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí các thùng chứa bằng nhựa HDPE dung tích 200 lít/thùng được dán tên và mã chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 10 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí trong nhà xưởng 3, nền láng xi măng chống thấm, có cửa ra vào kiểm soát. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút; có biển cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất liệu nhựa HDPE dung tích 10-20 lít/thùng.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: 40 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Bố trí trong nhà xưởng 3, ngăn cách với các khu vực xung quanh bằng vách ngăn chống cháy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chứa bằng nhựa HDPE, có nắp đậy, dung tích 10-20 lít/thùng.

- Thực hiện thu gom trong ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1370/GPMT-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Các hạng mục công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 22/03/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nhà máy sản xuất sản phẩm nhựa nguyên sinh của Công ty TNHH Hữu Thành tại lô CN -03 và CN-04, Cụm công nghiệp Thạch Khôi - Gia Xuyên, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương mà Công ty TNHH Hữu Thành tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường như sau:

- Lắp đặt dây chuyền sản xuất màng nhựa PVC, quy mô 320 tấn/năm; màng nhựa POF, quy mô 350 tấn/năm.

- Quy trình sản xuất màng nhựa PVC, POF: Hạt nhựa nguyên sinh và hạt nhựa tái chế từ các bavia của nhà máy + hạt màu → Trộn → Nấu chảy → Thổi màng → Cuộn màng → Cắt → Cuộn cuộn → Kiểm tra → Đóng bao/nhập kho.

- Lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi nhựa khu vực sản xuất màng nhựa PVC công suất 5.000 m³/h. Thông số kỹ thuật của hệ thống như sau:

+ Quạt hút: 3KW, lưu lượng 5.000 m³/h.

+ Tháp hấp phụ khí thải: dạng hình hộp chữ nhật với kích thước 1x1x1,5m, bên trong chứa 03 lớp màng lọc bằng than hoạt tính kích thước 0,8x0,8x0,2m.

2. Sau khi đã hoàn thành các hạng mục và các yêu cầu về bảo vệ môi trường thuộc giai đoạn tiếp theo của dự án, Công ty có trách nhiệm thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công

ng nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị chức năng theo quy định.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.